

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu

1.1. Thông tin chung

- Chủ đầu tư: Ban quản lý Dự án VN-CSCC Gia Lai
- Gói thầu: “G07-VN-CSCC_GL_1311.1: Chuẩn bị hồ sơ cho các khu bảo tồn bao gồm nhu cầu quản lý cơ bản và tối ưu”
- Nguồn vốn: ODA
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 2 tháng

1.2. Bối cảnh

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai hiện đang triển khai thực hiện Dự án “Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam - tỉnh Gia Lai” (viết tắt: VN-CSCC Gia Lai) do Chính phủ Canada tài trợ thông qua Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Quyết định số 3313/QĐ-UBND ngày 21/9/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật “Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam- tỉnh Bình Định” do Chính phủ Canada tài trợ thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 13/3/2026 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 3313/QĐ-UBND ngày 21/9/2024 của UBND tỉnh).

Dự án triển khai thực hiện từ tháng 09 năm 2024 đến tháng 03 năm 2030 với mục tiêu dài hạn là “Cải thiện khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của các cộng đồng ven biển dễ bị tổn thương, đặc biệt là phụ nữ và làm giàu đa dạng sinh học biển và ven biển” tỉnh Gia Lai. Mục tiêu này được thực hiện thông qua 03 hợp phần:

Hợp phần 1. Tăng cường năng lực của chính quyền và cộng đồng ven biển dễ bị tổn thương, đặc biệt phụ nữ, trong áp dụng lập kế hoạch thông tin đáp ứng giới và có tính đến rủi ro cho thích ứng với biến đổi khí hậu với các đồng lợi ích về môi trường;

Hợp phần 2. Tăng cường năng lực và lãnh đạo của phụ nữ và các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo để triển khai các giải pháp khí hậu dựa vào thiên nhiên cho kinh tế biển bền vững và sinh kế, với đồng lợi ích về thích ứng và bảo tồn đa dạng sinh học;

Hợp phần 3. Tăng cường năng lực của chính quyền, đặc biệt phụ nữ và các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo của các cộng đồng sông phụ thuộc vào tự nhiên trong bảo vệ đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái với đồng lợi ích về thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

Thực hiện Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến 2050, tỉnh Gia Lai được định hướng thành lập Khu bảo tồn biển vịnh Quy Nhơn.

Dự án hỗ trợ nhằm góp phần đạt được kết quả đầu ra 1311:

“Các khu bảo tồn đa dạng sinh học mới được thành lập và quản lý hiệu quả với sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương”

Hoạt động 1311.1 là bước nền tảng, nhằm: xây dựng hồ sơ khoa học, pháp lý ban đầu cho Khu bảo tồn biển; Đánh giá nhu cầu quản lý (cơ bản và tối ưu); Phân tích tài chính và cơ chế tạo nguồn thu; Làm cơ sở cho hoạt động lập hồ sơ trình thành lập chính thức (1311.2).

Hoạt động 1311.1 thuộc kết quả đầu ra 1311, tiểu hợp phần 1310 của Hợp phần 3 đã được phê duyệt trong kế hoạch triển khai năm 2026 của VN-CSCC Gia Lai.

1.3. Mục tiêu

1.3.1. Mục tiêu tổng thể

Xây dựng hồ sơ kỹ thuật và cơ sở dữ liệu nền về đa dạng sinh học (bao gồm các loài và hệ sinh thái), kinh tế xã hội và nhu cầu quản lý cho Khu bảo tồn biển vịnh Quy Nhơn. Đây là căn cứ khoa học phục vụ việc lập hồ sơ đề xuất thành lập và xây dựng kế hoạch quản lý hiệu quả Khu bảo tồn biển vịnh Quy Nhơn trong thời gian tới.

1.3.2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng cơ sở dữ liệu nền tích hợp trên bản đồ số (bản đồ GIS) về đa dạng sinh học (loài và hệ sinh thái) tại khu vực thành lập Khu bảo tồn biển dự kiến;
- Tổng hợp và xây dựng cơ sở dữ liệu nền tích hợp trên bản đồ số (bản đồ GIS) về kinh tế xã hội bao gồm hoạt động sinh kế và bảo vệ nguồn lợi thủy sản của cộng đồng địa phương tại khu vực thành lập Khu bảo tồn biển dự kiến;
- Xác định ranh giới, phân vùng chức năng sơ bộ;
- Đánh giá hiện trạng và khoảng trống quản lý;
- Xác định: Nhu cầu quản lý cơ bản; Nhu cầu quản lý tối ưu.
- Phân tích tài chính: Nguồn lực hiện có; Nhu cầu đầu tư; Cơ chế tạo doanh thu.
- Áp dụng phương pháp tiếp cận tổng hợp phối hợp chặt chẽ với cán bộ của Sở Nông nghiệp và Môi trường nhằm chuyển giao kỹ thuật và nâng cao năng lực giám sát hệ sinh thái (ví dụ phương pháp kiểm tra rạn san hô - Reef Check đối với rạn san hô) và điều tra khảo sát liên quan nhằm chuẩn bị nguồn lực sẵn sàng cho Ban quản lý Khu bảo tồn biển sau này. Đồng thời đảm bảo các nguyên tắc về sự tham gia của cộng đồng và lồng ghép giới.

II. Phạm vi công việc

2.1. Tổng hợp và xây dựng cơ sở dữ liệu nền cho đề án thành lập khu bảo tồn biển và quản lý hiệu quả trong thời gian tới

- Thu thập và phân tích dữ liệu thứ cấp:
 - + Sinh thái: Đa dạng sinh học (san hô, cỏ biển, nguồn lợi thủy sản, các loài nguy cấp, quý hiếm...);
 - + Môi trường: Hải văn, chất lượng nước, tác động của biến đổi khí hậu;
 - + Hiện trạng khai thác và sử dụng tài nguyên;
 - + Kinh tế - xã hội: Thực trạng sinh kế của cộng đồng; mức độ phụ thuộc vào tài nguyên của cộng đồng (đặc biệt là phụ nữ), các hoạt động bảo vệ nguồn lợi thủy sản của cộng đồng;
 - + Pháp lý: Các quy hoạch liên quan và hiện trạng sử dụng không gian biển.
- Khảo sát thực địa và tham vấn tại các phường Quy Nhơn Đông, Quy Nhơn Nam và xã Nhơn Châu:
 - + Điều tra bổ sung đa dạng sinh học và các mối đe dọa trực tiếp;
 - + Tham vấn các bên liên quan bao gồm cộng đồng về ranh giới và các phương án phân khu chức năng.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu nền tích hợp trên bản đồ số (bản đồ GIS): Tích hợp nhiều lớp dữ liệu trên nền GIS.

2.2. Đánh giá sự cần thiết phải xây dựng cơ sở dữ liệu nền và hồ sơ đa dạng sinh học Khu Bảo tồn biển

- Đánh giá thu thập các thông tin về giá trị bảo tồn và đa dạng sinh học của Vịnh Quy Nhơn:
 - + Thống kê danh mục loài (san hô, cỏ biển, nguồn lợi thủy sản...)
 - + Xác định các loài nguy cấp, quý hiếm theo Danh lục đỏ IUCN và Sách đỏ Việt Nam
 - + Phân tích cấu trúc và độ phủ của các hệ sinh thái trọng điểm (ví dụ rạn san hô, thảm cỏ biển...)
- Thu thập thông tin và phân tích các mối đe dọa và áp lực đối với đa dạng sinh học:
 - + Đánh giá tác động từ các hoạt động con người: giao thông, các công trình xây dựng, nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, du lịch, rác thải...
 - + Đánh giá tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu (tẩy trắng san hô, bão lũ...)
- Xác định các khu vực ưu tiên bảo tồn
- Đánh giá hiện trạng và nhu cầu xây dựng bộ cơ sở dữ liệu nền về đa dạng sinh học tích hợp trên bản đồ số (bản đồ GIS)

2.3. Đề xuất ranh giới và phân vùng sơ bộ

- Xác định:
 - + Ranh giới không gian Khu Bảo tồn biển (BTB);

- + Phân khu chức năng (sơ bộ): Bảo vệ nghiêm ngặt; Phục hồi sinh thái; Phát triển bền vững.
- Xây dựng bản đồ số nhiều tầng dữ liệu phân vùng sơ bộ (bản đồ GIS, tỷ lệ phù hợp).

2.4. Đánh giá nhu cầu quản lý

Phân tích toàn diện:

- Thể chế - pháp lý;
- Tổ chức bộ máy;
- Nguồn nhân lực;
- Cơ sở hạ tầng - trang thiết bị;
- Cơ chế phối hợp liên ngành;
- Sự tham gia của cộng đồng: cơ chế lồng ghép giới, đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của phụ nữ và các nhóm yếu thế trong việc bảo vệ tài nguyên.

- Tài chính bền vững:

- + Đánh giá nguồn tài chính hiện có;
- + Xác định nhu cầu tài chính dài hạn;
- + Đề xuất cơ chế tài chính: Ngân sách nhà nước; Tài trợ dự án; Du lịch sinh thái; Chi trả dịch vụ hệ sinh thái biển; Các mô hình tài chính bền vững khác.

2.5. Xây dựng kịch bản nhu cầu quản lý

(1) Kịch bản quản lý cơ bản

- Bộ máy tối thiểu;
- Hoạt động thiết yếu: Tuần tra; Giám sát đa dạng sinh học; Truyền thông cộng đồng;
- Dự toán chi phí tối thiểu.

(2) Kịch bản quản lý tối ưu

- Bộ máy đầy đủ, chuyên nghiệp;
- Ứng dụng công nghệ: GIS, hệ thống giám sát; Thiết bị tuần tra;
- Đồng quản lý với cộng đồng;
- Lồng ghép giới, đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của phụ nữ và các nhóm yếu thế trong việc bảo vệ tài nguyên;
- Hoạt động: Phục hồi hệ sinh thái; Phát triển sinh kế;
- Dự toán chi phí đầy đủ.

2.6. Tham vấn các bên liên quan

- Tổ chức tham vấn: Các cơ quan, đơn vị quản lý liên quan, Đơn vị nghiên cứu khoa học, Các tổ chức quốc tế và phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực BTB; Cộng đồng địa phương, đặc biệt cộng đồng tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại các phường Quy Nhơn Đông (Nhơn Lý, Nhơn Hải), Quy Nhơn Nam (Ghềnh Ráng) và xã Nhơn Châu; Nhóm phụ nữ; Ngư dân; Chính quyền địa phương, các doanh nghiệp tham gia khai thác nguồn lợi thủy sản và rạn san hô
- Đảm bảo: Tự nguyện, được cung cấp thông tin đầy đủ và có sự tham gia thực chất
- Lồng ghép yếu tố giới và nhóm dễ bị tổn thương

2.7. Chuẩn bị bộ hồ sơ đầu vào cho thành lập Khu bảo tồn biển

- Hồ sơ đa dạng sinh học;
- Hồ sơ kinh tế - xã hội;
- Bản đồ ranh giới, phân vùng sơ bộ;
- Báo cáo nhu cầu quản lý;
- Báo cáo sơ bộ nhu cầu tài chính cho công tác quản lý khu BTB và cơ chế tạo nguồn thu.

III. Sản phẩm đầu ra

1. Báo cáo khởi động bao gồm phương pháp luận và cách tiếp cận cũng như kế hoạch triển khai cụ thể;
2. Báo cáo tổng hợp hiện trạng và cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học của Vịnh Quy Nhơn (san hô, cỏ biển, nguồn lợi thủy sản...);

3. Bộ bản đồ (ranh giới, phân khu sơ bộ);
4. Báo cáo đánh giá nhu cầu quản lý với kịch bản quản lý (cơ bản và tối ưu);
5. Báo cáo phân tích tài chính và cơ chế tạo nguồn thu;
6. Biên bản tham vấn các bên liên quan, có sự tham gia của gồm cộng đồng, phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương;
7. Bộ hồ sơ đầy đủ để chuẩn bị cho thành lập Khu Bảo tồn biển.

IV. Thời gian và kế hoạch thực hiện

Thời gian thực hiện công tác tư vấn là 2 tháng. Công tác tư vấn sẽ bắt đầu triển khai ngay sau khi hợp đồng được hai bên ký kết.

TT	Hoạt động	Báo cáo/Sản phẩm	Phân công nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện
1	Xây dựng kế hoạch triển khai	1. Báo cáo khởi động bao gồm phương pháp luận và cách tiếp cận cũng như kế hoạch triển khai cụ thể	Trưởng nhóm: 3 ngày Thành viên 1: 3 ngày	05 ngày sau khi ký hợp đồng
2	Đánh giá sự cần thiết phải xây dựng cơ sở dữ liệu nền và hồ sơ đa dạng sinh học Khu Bảo tồn biển	2.1. Tổng hợp thông tin và dữ liệu nền về đa dạng sinh học, kinh tế xã hội và phục vụ cho công tác phân vùng chức năng sơ bộ tích hợp trên bản đồ số (bản đồ GIS) 2.2. Báo cáo tổng hợp hiện trạng và cơ sở dữ liệu Khu Bảo tồn về đa dạng sinh học của Vịnh Quy Nhơn (san hô, cỏ biển, nguồn lợi thủy sản...)	Trưởng nhóm: 5 ngày Thành viên 1: 4 ngày	20 ngày sau khi ký hợp đồng
3	Đề xuất ranh giới và phân vùng sơ bộ	3. Bộ bản đồ (ranh giới, phân khu sơ bộ)	Trưởng nhóm: 4 ngày	30 ngày sau khi ký hợp đồng
4	Đánh giá nhu cầu quản lý	4.1. Báo cáo đánh giá nhu cầu quản lý 4.2. Báo cáo kịch bản quản lý (cơ bản và tối ưu)	Trưởng nhóm: 3 ngày Thành viên 1: 4 ngày	40 ngày sau khi ký hợp đồng
5	Xây dựng kịch bản nhu cầu quản lý	5. Báo cáo phân tích tài chính và cơ chế tạo nguồn thu	Trưởng nhóm: 3 ngày	45 ngày sau khi ký hợp đồng
6	Hợp Khảo sát thực địa và tham vấn các bên liên quan tại địa phương	6. Biên bản tham vấn các bên liên quan, có sự tham gia của cộng đồng, phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương	Trưởng nhóm: 4 ngày Thành viên 1: 4 ngày	50 ngày sau khi ký hợp đồng
7	Chuẩn bị bộ hồ sơ đầu vào cho thành	7. Bộ hồ sơ đầy đủ để chuẩn bị cho thành lập Khu BTB	Trưởng nhóm: 4 ngày Thành viên 1: 4 ngày	55 ngày sau khi ký hợp đồng

TT	Hoạt động	Báo cáo/Sản phẩm	Phân công nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện
	lập Khu Bảo tồn biển			

V. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm công tác

5.1. Yêu cầu đối với Đơn vị tư vấn

- Có đủ tư cách pháp nhân và đáp ứng các yêu cầu về tư cách hợp lệ nhà thầu theo quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam.
- Có năng lực, kinh nghiệm trong việc thực hiện các hoạt động có liên quan đến: Khu bảo tồn biển; Đa dạng sinh học; Quy hoạch không gian biển; Làm việc với cộng đồng ven biển.

5.2. Yêu cầu đối với Trưởng nhóm

- Tốt nghiệp Đại học trở lên về chuyên ngành Sinh học biển, Thủy sản hoặc Quản lý tài nguyên biển.
- Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm quản lý các dự án về bảo tồn biển hoặc quản lý tài nguyên thiên nhiên; có khả năng lập kế hoạch chiến lược, điều phối nhóm chuyên gia đa ngành để đảm bảo tiến độ và chất lượng hồ sơ thành lập Khu Bảo tồn biển.
- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước; thành thạo kỹ năng đàm phán và tổ chức các hội thảo tham vấn để tạo sự đồng thuận giữa các bên liên quan (nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng).
- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm về nhận diện sớm các rủi ro về xung đột lợi ích (như giữa bảo tồn và phát triển du lịch/công nghiệp tại Quy Nhơn) để đề xuất các giải pháp phân vùng và cơ chế quản lý hài hòa, đảm bảo tính khả thi và bền vững của Khu Bảo tồn biển.

5.3. Yêu cầu đối với Chuyên gia GIS và ứng dụng GIS trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học

- Tốt nghiệp Đại học trở lên về chuyên ngành GIS, Viễn thám hoặc Quản lý tài nguyên; sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên dụng (ArcGIS, QGIS, Mapinfo...) và có khả năng xử lý ảnh vệ tinh để theo dõi diễn biến hệ sinh thái biển.
- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong việc thiết kế, chuẩn hóa và quản lý cơ sở dữ liệu nền địa không gian tích hợp đa tầng (sinh thái, lý hóa và kinh tế - xã hội) phục vụ các dự án bảo tồn thiên nhiên.
- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong việc phân tích chồng xếp bản đồ (Overlay analysis) để xác định các khu vực ưu tiên bảo tồn, các điểm nóng xung đột lợi ích và đề xuất ranh giới phân khu chức năng cho Khu BTB.
- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm thiết kế các bản đồ chuyên đề trực quan phục vụ báo cáo thẩm định và năng lực đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống CSDL số cho cán bộ địa phương và Ban quản lý sau này.

VI. Phương pháp tiếp cận

- Tiếp cận hệ sinh thái;
- Quản lý nguồn lợi thủy sản và tài nguyên dựa vào cộng đồng;
- Tham vấn các bên có liên quan;
- Lòng ghép giới;
- Dựa vào cộng đồng;
- Ứng dụng công nghệ bản đồ số (GIS) và tiếp cận không gian.

VII. Cơ chế phối hợp

- Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Thủy sản (chủ trì);
- Các sở, ngành liên quan;
- UBND các cấp;
- Cộng đồng địa phương;

- Các tổ chức khoa học

VIII. Giám sát và nghiệm thu

Nghiệm thu sản phẩm theo kết quả nêu tại mục IV. Sản phẩm đầu ra. Hồ sơ đầu vào đầy đủ, chất lượng cao làm cơ sở để thực hiện các hoạt động sau: Hoạt động 1311.2 (Lập hồ sơ thành lập Khu BTB); Hoạt động 1311.3 (Khu BTB được thành lập và quản lý hiệu quả); Hoạt động 1311.4 (Kế hoạch quản lý 5 năm).

IX. Những đầu vào được cung cấp

Trong quá trình thực hiện, Ban quản lý Dự án VN-CSCC Gia Lai sẽ chịu trách nhiệm:

- Cử cán bộ, chuyên gia kỹ thuật và kế toán phối hợp, hỗ trợ thực hiện và nhận chuyển giao công nghệ từ tư vấn cho các hoạt động giám sát rạn san hô và điều tra khảo sát cơ bản phục vụ cho công tác quản lý KBTB sau này.

- Chịu trách nhiệm chi trả theo thời gian và kết quả đạt được theo hợp đồng đã ký kết.

- Chịu trách nhiệm các khoản chi phí tư vấn và hỗ trợ cho tham vấn. Mọi chi phí cho công tác tư vấn sẽ được đề cập trong hồ sơ thầu của Tư vấn.

X. Trách nhiệm

Trong suốt thời gian hợp đồng, đơn vị tư vấn phải:

1. Chịu trách nhiệm dân sự nghề nghiệp và tự mua bảo hiểm y tế, đi lại, tai nạn trong toàn bộ thời gian tiến hành hoạt động tư vấn.

2. Đóng thuế cho tất cả các khoản thu nhập theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.

3. Chịu trách nhiệm về phương tiện đi lại và chi phí đi lại phải được tính toán chính xác và đưa vào Phụ lục tại thời điểm ký kết hợp đồng.

4. Tự thu xếp các phương tiện, công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động.

XI. Thời hạn thanh toán

TT	Báo cáo/Sản phẩm	Thời hạn thanh toán
1	Báo cáo khởi động	20% giá trị hợp đồng
2	Báo cáo tổng hợp hiện trạng và cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học của Vịnh Quy Nhơn (san hô, cỏ biển, nguồn lợi thủy sản...) Bộ bản đồ (ranh giới, phân khu sơ bộ)	30% giá trị hợp đồng
3	Báo cáo đánh giá nhu cầu quản lý với kịch bản quản lý (cơ bản và tối ưu) Báo cáo phân tích tài chính và cơ chế tạo nguồn thu Báo cáo tham vấn các bên liên quan, có sự tham gia của cộng đồng, phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương	30% giá trị hợp đồng
4	Báo cáo tổng hợp các hoạt động và Bộ hồ sơ đầy đủ để chuẩn bị cho thành lập Khu Bảo tồn biển	20% giá trị hợp đồng